Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8537.20.21

Mã HS	8537.20.21
Mô tả hàng hóa	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hoặc nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hoặc thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17 / - Dùng cho điện áp trên 1.000 V: / - - Bảng điều khiển: / - - - Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 15:48:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85372021/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15880
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15880
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15880
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15217
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15149
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15149
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15149
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15149
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15149
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15149
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15205
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15205
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15205
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15205

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15205
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15205
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15206
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15206
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15206
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15206
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15206
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15206
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15207
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15155
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15163
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15163
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15163
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15163
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15163
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15163
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15203
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15203
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15203
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15203
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15203
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15203
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15260
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15260
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15260
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15260

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15260
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15260
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15239
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15239
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15239
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15239
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15239
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15239
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15237
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15237
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15237
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15237
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15237
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15237
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15243
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15243
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15243
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15243
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15243
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15243
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15242
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15242
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15242
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15242
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15242
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15242

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15233
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15233
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15233
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15233
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15233
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15233
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15233
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15230
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15230
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15230
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15230
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15230
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15230
RCEP B	2022	2022	0	B!D15230
RCEP B	2023	2023	0	B!E15230
RCEP B	2024	2024	0	B!F15230
RCEP B	2025	2025	0	B!G15230
RCEP B	2026	2026	0	B!H15230
RCEP B	2027	2027	0	B!I15230
RCEP C	2022	2022	0	C!D15230
RCEP C	2023	2023	0	C!E15230
RCEP C	2024	2024	0	C!F15230
RCEP C	2025	2025	0	C!G15230
RCEP C	2026	2026	0	C!H15230
RCEP C	2027	2027	0	C!I15230
RCEP D	2022	2022	0	D!D15229

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15229
RCEP D	2024	2024	0	D!F15229
RCEP D	2025	2025	0	D!G15229
RCEP D	2026	2026	0	D!H15229
RCEP D	2027	2027	0	D!I15229
RCEP E	2022	2022	0	E!D15233
RCEP E	2023	2023	0	E!E15233
RCEP E	2024	2024	0	E!F15233
RCEP E	2025	2025	0	E!G15233
RCEP E	2026	2026	0	E!H15233
RCEP E	2027	2027	0	E!I15233
RCEP F	2022	2022	0	F!D15230
RCEP F	2023	2023	0	F!E15230
RCEP F	2024	2024	0	F!F15230
RCEP F	2025	2025	0	F!G15230
RCEP F	2026	2026	0	F!H15230
RCEP F	2027	2027	0	F!I15230
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F14196
VIFTA	2025	2025	4	VI!G14196
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H14196
VIFTA	2027	2027	3	VI!I14196

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8537.20 có 5 dòng thuế; dòng 8537.20.21 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên.	8537.20.11 Gắn với thiết bị điện để ngắt, nối hoặc bảo vệ mạch điện có điện áp từ 66 kV trở lên; 8537.20.19 Loại khác; 8537.20.29 Loại khác; 8537.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8537.20.21. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8537.20.21 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15880), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.